

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 190/2024/HC-ST
Ngày: 16-08-2024

V/v: Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Minh Trí.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ.
Ông Nguyễn Thanh Nhật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 140/2024/TLST-HC ngày 07 tháng 06 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2024/QĐXXST-HC ngày 08 tháng 08 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Hoàng L - Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Hoàng L - Đoàn Luật sư tỉnh L.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Long An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn C1 - Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Hữu H - Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường huyện V.

2. Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Long An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt T - Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Mai Trí Đ - Cán bộ địa chính xã

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Võ Thị C2, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

(Ông C, Luật sư L, bà C2, ông Đ, ông H có mặt, ông C1, ông T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa ông **Nguyễn Văn C** trình bày có nội dung như sau:

Ông **Nguyễn Văn C** khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 198/UBND ngày 18/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Long An. Hủy Công văn số 2005/UBND ngày 13/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Long An.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện V và Ủy ban nhân dân xã V, huyện V tiến hành thực hiện thủ tục và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Nguyễn Văn C** theo quy định.

Lý do khởi kiện: Ngày 05/5/1984, ông C được Ban chỉ huy Đoàn xây dựng kinh tế Đ1 cấp cho ông C phần đất có diện tích khoảng 1000m² (đo thực tế 972m²). Ông C nhận đất, cất nhà ở tạm để canh tác phần đất ruộng phía sau 02 hecta lúa từ năm 1984 cho đến nay, có ranh giới rõ ràng, không ai tranh chấp.

Năm 2019, ông C làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được Ủy ban nhân dân xã V, huyện V chấp nhận cho tiến hành thủ tục cấp giấy. Hồ sơ cấp giấy gồm 02 phần đất có diện tích gồm 400m² đất ở và 572m² đất BHK.

Tuy nhiên, hồ sơ của ông C đủ điều kiện theo quy định của Luật Đất đai nhưng Ủy ban nhân dân xã V và Ủy ban nhân dân huyện V không đồng ý cấp giấy cho ông C.

Năm 2023, ông C tiếp tục làm đơn yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hồ sơ đã lập trước đó nhưng Ủy ban nhân dân xã V có Văn bản số 198/UBND ngày 18/3/2024 và Ủy ban nhân dân huyện V có Văn bản số 2005/UBND-TNMT ngày 13/5/2024 trả lời là ông C không đủ điều kiện cấp giấy với lý do năm 1984 Đoàn xây dựng kinh tế Đ1 I cấp đất cho ông **Nguyễn Văn C** nhưng ông C không xây dựng nhà ở, không sinh sống, không cải tạo đất, không có hộ khẩu tại xã V.

Do đó, ông C làm đơn khởi kiện ra Tòa án đề nghị hủy 02 Văn bản nêu trên và buộc Ủy ban nhân dân huyện V và Ủy ban nhân dân huyện V thực hiện hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C theo qui định của pháp luật.

Tại Văn bản số 198/UBND ngày 18/3/2024 của người bị kiện Ủy ban nhân dân xã V có nội dung:

Phần đất mà ông **Nguyễn Văn C** yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc 01 phần thửa đất số 421 và 01 phần thửa đất số 454, tờ bản đồ số 5, diện tích: 972m² (chưa đo đạc thực tế). Nguồn gốc đất ông C cho rằng vào năm 1984 thì B chỉ huy Đoàn xây dựng kinh tế Đ1 cấp cho ông C một phần đất cấp nhà ông C3 (không thể hiện kích thước), nhưng ông C không xây dựng nhà ở, không sinh sống và cũng không cải tạo gì trên phần đất này từ năm 1984 cho đến nay. Ngoài ra, ông **Nguyễn Văn C** không có hộ khẩu thường trú tại xã V.

Ngày 27/02/2024, Hội đồng tư vấn đăng ký đất đai đưa ra xét duyệt hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của người dân trong đó có ông **Nguyễn Văn C**. Sau khi xem xét nguồn gốc đất của ông **Nguyễn Văn C** không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 100, 101 Luật Đất đai năm 2013 sửa đổi, bổ sung năm 2018. Ngoài ra, Ban chỉ huy Đoàn xây dựng kinh tế Đ1 không phải là cơ quan có thẩm quyền cấp giấy.

Tại Văn bản số 3265/UBND-TNMT ngày 16/7/2024 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện V trình bày có nội dung:

Căn cứ vào quá trình xác minh nguồn gốc đất, quá trình quản lý sử dụng đất và hồ sơ liên quan thể hiện thuộc một phần thửa đất số 421, 454, tờ bản đồ số 5, diện tích 972m² (chưa đo đạc thực tế), tại xã V, huyện V, tỉnh Long An. Phần đất này Ủy ban nhân dân huyện V chưa thực hiện giao đất, công nhận hay cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, tổ chức nào.

Phần đất ông Nguyễn Văn C yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 421, 454 tờ bản đồ số 5, diện tích 972m² (chưa đo đạc thực tế), tại xã V, huyện V, tỉnh Long An, hiện ông C không xây dựng nhà ở, không ở, không sinh sống và cũng không cải tạo, canh tác gì trên phần đất này từ năm 1984 đến nay. Ngoài ra, ông C cũng không có hộ khẩu thường trú tại xã V.

Ngày 25/9/2019, Hội đồng tư vấn đất đai xã đã đưa ra hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn C ra xét duyệt. Tuy nhiên, sau khi rà soát lại hồ sơ, căn cứ các quy định về pháp luật đất đai, công chức Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp và Môi trường đã đề nghị Hội đồng tư vấn đất đai xã tiến hành cuộc họp ngày 22/11/2019 xem xét hủy nội dung xét duyệt ngày 25/9/2019 về việc ông Nguyễn Văn C đề nghị cấp giấy.

Đến năm 2024, ông Nguyễn Văn C tiếp tục có đơn yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 27/2/2024, Hội đồng tư vấn đăng ký đất đai xã đã đưa ra xét duyệt hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở đối với 11 hồ sơ. Trong đó có hồ sơ của ông Nguyễn Văn C. Kết quả Hội đồng tư vấn đăng ký đất đai xã đã thống nhất 100% không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C với lý do ông Nguyễn Văn C không ở, không sinh sống và cũng không cải tạo, không canh tác gì trên phần đất này từ năm 1984 cho đến nay. Đồng thời ông Nguyễn Văn C không có hộ khẩu thường trú tại xã V nên không đủ điều kiện cấp giấy.

Ngày 18/3/2024, Ủy ban nhân dân xã V đã có văn bản trả lời đơn yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C với nội dung, không công nhận quyền sử dụng đất của ông C, nên không đồng ý cấp giấy.

Ngày 22/03/2024, ông C có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi đến Ủy ban nhân dân huyện V. Đến ngày 13/5/2024, Ủy ban nhân dân huyện V đã có văn bản trả lời đơn với nội dung: Phần đất mà ông Nguyễn Văn C đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa đất số 421 và một phần thửa đất số 454, tờ bản đồ số 5, diện tích 972m² (chưa đo đạc thực tế) tại xã V, huyện V, đất do Nhà nước quản lý.

Theo nội dung đơn ông Nguyễn Văn C trình bày là ông được Đoàn Xây dựng kinh tế Đ1 xác nhận cấp cho ông vào ngày 05 tháng 5 năm 1984 để sử dụng. Tuy nhiên, theo báo cáo kết quả xác minh của cơ quan chuyên môn thì phần đất ông Nguyễn Văn C yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông C không xây dựng nhà ở, không sinh sống và cũng không cải tạo gì trên phần đất này từ năm 1984 đến nay. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn C không có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện V.

Qua xem xét nội dung vụ việc, căn cứ Điều 100 và Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 sửa đổi bổ sung năm 2018 quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Điều 21 Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013 thì việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông **Nguyễn Văn C** là không đủ điều kiện để thực hiện.

Trong thời gian này ông **Nguyễn Văn C** tự ý cất nhà và trồng cây trên phần đất nêu trên. Ngày 15/4/2024, **Ủy ban nhân dân xã V** tiến hành lập biên bản đối với ông **Nguyễn Văn C** về việc tự ý cất nhà và trồng cây trên phần đất nêu trên. Ủy ban nhân dân xã đã yêu cầu ông tháo dỡ trả lại hiện trạng nhưng ông không thực hiện.

Căn cứ theo quy định của pháp luật, đối chiếu kết quả xác minh của Luật Đất đai năm 2013 sửa đổi, bổ sung năm 2018 Ủy ban nhân **huyện V** không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với ông **Nguyễn Văn C** là đúng theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo qui định của Luật Tố tụng Hành chính

Về nội dung: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và phần tranh tụng tại phiên tòa có căn cứ xác định, năm 1984 ông **C** được **Đoàn xây dựng kinh tế Đ1** cấp một phần đất thuộc thửa đất số 421 và thửa đất số 454, tờ bản đồ số 5, ông **C** có sử dụng đất như san lấp nền, cất chòi tạm và đóng thuế cho nhà nước. Đến nay, ông **C** đang sử dụng trồng cây ăn trái như ổi, dừa... các biên bản xác minh do cán bộ địa chính xã lập ông **C** không quản lý, sử dụng đất là không chính xác, không đúng với hiện trạng sử dụng đất. Nội dung trên được chứng minh qua các biên lai đóng thuế, sổ đăng ký tạm trú và biên bản xem xét thẩm định của Tòa án tỉnh Long An, xác nhận của **Ủy ban nhân dân xã V** ngày 18/9/2019. Từ các căn cứ trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của ông **C** là có căn cứ theo qui định của Luật Đất đai 2013, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **C**, buộc **Ủy ban nhân dân xã V** và **Ủy ban nhân dân huyện V** thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp quyền sử dụng đất cho ông **C** theo qui định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông **Nguyễn Văn C** yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 198/UBND ngày 18/3/2024 của **Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Long An**; hủy Công văn số 2005/UBND ngày 13/5/2024 của **Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Long An**; buộc **Ủy ban nhân dân huyện V** và **Ủy ban nhân dân xã V, huyện V** tiến hành thủ tục và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Nguyễn Văn C** một phần thửa đất số 421 và một phần thửa đất số 454, tờ bản đồ số 5, diện tích 972m² (chưa đo đạc thực tế) tại **xã V, huyện V**. Đây khiêu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh

Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng Hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 18/3/2024, Ủy ban nhân dân xã C4 và ngày 13/5/2024 Ủy ban huyện V có Văn bản 2005 trả lời không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C. Ngày 31/5/2024, ông Nguyễn Văn C nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An là trong thời hiệu. Do đó, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng qui định tại Điều 116 của Luật Tổ tụng Hành chính.

[3] Về việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại: Tòa án đã có thông báo cho các đương sự nhưng người bị kiện có đơn đề nghị vắng mặt; người khởi kiện có đơn không yêu cầu đối thoại, nên Tòa án lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành đối thoại được theo quy định của Điều 135, 137 Luật Tổ tụng Hành chính.

[4] Người đại diện cho Ủy ban nhân dân huyện V và Ủy ban nhân dân xã V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng Hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử vắng mặt ông C1, ông T là phù hợp.

[5] Về hình thức và thẩm quyền ban hành quyết định: Ngày 27/02/2024, Ủy ban nhân dân xã V tiếp nhận đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn C đối với một phần thửa đất số 421 và một phần thửa đất số 454, tờ bản đồ số 5, diện tích 972m² tại xã V, huyện V. Ngày 18/3/2024, Ủy ban nhân dân xã V ban hành Văn bản số 198/UBND về việc trả lời đơn không đồng ý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C. Ông Nguyễn Văn C tiếp tục khiếu nại. Ngày 13/5/2024, Ủy ban nhân dân huyện V ra Văn bản số 2005/UBND-TNMT về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn C là không đủ điều kiện để cấp giấy. Xét thấy, Ủy ban nhân dân xã V và Ủy ban nhân dân huyện V thực hiện trả lời cho ông C theo đơn yêu cầu là đúng trình tự và thẩm quyền ban hành văn bản theo quy định Luật Đất đai 2013.

[6] Về nội dung của quyết định hành chính:

Ngày 05/5/1984, ông C được Ban chỉ huy Đoàn xây dựng kinh tế Đ1 cấp cho ông C phần đất diện tích khoảng 1000m² (đo thực tế 972m²). Ông C nhận đất, cất nhà ở tạm để canh tác phần đất ruộng phía sau 02 hecta lúa từ năm 1984 cho đến nay, có ranh giới rõ ràng, không tranh chấp. Tại đơn xin giao đất ngày 18/9/2019 và danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện giao đất ngày 26/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện V đều xác định ông C quản lý sử dụng ổn định phần đất trên từ 1984 đến nay, thuộc trường hợp đủ điều kiện giao đất, tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thể hiện ông C trồng 11 cây dừa, 05 cây xoài, 05 cây vú sữa, 02 cây sa kê và có một nhà tạm bằng toll thiết. Đồng thời, tại phiên tòa ông C chứng minh được ông là người sử dụng đất ổn định, đóng thuế hàng năm cho nhà nước, có đăng ký tạm trú, san lấp nền bằng phẳng như hiện nay. Từ các căn cứ trên cho thấy Ủy ban nhân xã V ban hành Văn bản số 198/UBND ngày 18/3/2024 và Ủy ban nhân dân huyện V ban hành Văn bản 2005/UBND-TNMT ngày 13/5/2024 với nội dung “ông Nguyễn Văn C xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần

thửa đất số 421 và một phần thửa đất số 454, tờ bản đồ số 5, diện tích 972m² tại xã V, huyện V là không có cơ sở xem xét giải quyết, không đủ điều kiện được cấp” với lý do ông Nguyễn Văn C không ở, không sinh sống và cũng không cải tạo, không canh tác gì trên phần đất này từ năm 1984 cho đến nay. Đồng thời, ông Nguyễn Văn C không có hộ khẩu thường trú tại xã V nên không đủ điều kiện cấp giấy là không đúng qui định tại Điều 99, Điều 100 Luật Đất đai 2013.

Vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Long An là có căn cứ chấp nhận, hủy Văn bản số 198/UBND ngày 18/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã V và hủy Văn bản 2005/UBND-TNMT ngày 13/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện V. Buộc Ủy ban nhân dân xã V và Ủy ban nhân dân huyện V thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp quyền sử dụng đất cho ông C theo qui định của pháp luật.

[8] Về chi phí tố tụng và án phí:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc là 17.000.000đ, ông C đã nộp và tự nguyện chịu chi phí này là phù hợp Điều 347, 348 Luật Tố tụng Hành chính

Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện V và Ủy ban nhân dân xã V mỗi đơn vị phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của Điều 348 Luật Tố tụng Hành chính và Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tố tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội .

Căn cứ Điều 99, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 17, Điều 18 Luật giải quyết khiếu nại;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

Hủy Văn bản số 198/UBND ngày 18/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện V

Hủy Văn bản 2005/UBND-TNMT ngày 13/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện V

2. Buộc Ủy ban nhân dân xã V, huyện V và Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Long An thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C đối với một phần thửa đất số 421 và một phần thửa đất số 454, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã V, huyện V theo qui định của pháp luật.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc là 17.000.000đ ông Nguyễn Văn C tự nguyện chịu toàn bộ, (đã nộp xong).

Án phí: Ủy ban nhân dân huyện V và Ủy ban nhân dân xã V mỗi đơn vị phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bạch Huệ Nguyễn Thanh Nhật

Lương Minh Trí

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Minh Trí

HTND

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Minh Trí